

TỔNG CÔNG TY LICOGI -
CTCPCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 30 /2025/LICOGI

Hà Nội, ngày 24 tháng 01 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Tổng công ty LICOGI - CTCP thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) quý /năm 2024. với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Tổng công ty LICOGI - CTCP

Mã chứng khoán: LIC

Địa chỉ: Nhà G1, số 491 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Điện thoại liên hệ/Tel: 0243 8542 365 Fax: 0243 8542 655

Email:

Website: <http://www.licogi.vn/>.

Nội dung thông tin công bố: BCTC Quý IV năm 2024.

☒ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☒ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC:

☐ Có☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có☒ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại:

☐ Có☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có☒ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: /01/2025 tại đường dẫn: : <http://www.licogi.vn/>

Tài liệu đính kèm:

- BCTC Công ty mẹ Quý IV năm 2024
- BCTC Hợp nhất Quý IV năm 2024
- Văn bản giải trình.

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



Phan Thanh Hải





TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Địa chỉ: Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi,
phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân,
thành phố Hà Nội

Mã số DN: 0100106440

Số: 34./2025/LICOGI-CBTT

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(V/v CBTT Báo cáo tài chính Công ty
mẹ quý IV năm 2024)

Hà Nội, ngày 24 tháng 01 năm 2025

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

**Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội**

Công ty: **TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**
Địa chỉ trụ sở chính: nhà G1, số 491 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân
Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Điện thoại: 0243 8542 365
Fax: 0243 8542 655
Người thực hiện công bố thông tin: Ông Phan Thanh Hải
Địa chỉ: nhà G1, số 491 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh
Xuân, thành phố Hà Nội
Điện thoại: 0905955896
Loại thông tin công bố: ☐ 24 giờ ☐ 72 giờ ☐ bất thường ☐ theo yêu cầu
☒ định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Tổng công ty LICOGI-CTCP công bố thông tin về Báo cáo Tài chính Công ty mẹ
quý IV năm 2024 của Tổng công ty LICOGI – CTCP.

(Có Báo cáo chi tiết kèm theo).

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty vào
ngày /01/2025 tại đường dẫn: <http://www.licogi.vn/>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn
chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như đề gửi;
- HĐQT, BKS (để b/c);
- Ban TGD (để biết);
- Lưu VP HĐQT.

**NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN
TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY LICOGI-CTCP**



Phan Thanh Hải

Số: 3.4./2025/CV-TCKT

"V/v: Giải trình nguyên nhân chuyển từ lỗ ở
báo cáo cùng kỳ trước sang lãi kỳ này"

Hà Nội, ngày 24 tháng 01 năm 2025

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc: "Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán".

Tổng Công ty Licogi-CTCP giải trình nguyên nhân chuyển từ lỗ từ cùng kỳ trước sang lãi kỳ này của Công ty mẹ như sau:

Chi tiết một số khoản mục Doanh thu, chi phí, lợi nhuận sau thuế:

Nội dung	ĐVT	Quý IV năm 2024	Quý IV năm 2023	Biến động (%)
Doanh thu hoạt động kinh doanh và doanh thu hoạt động tài chính	Tr. đồng	198.793	111.837	77,8%
Tổng chi phí	Tr. đồng	182.009	136.090	33,7%
Thu nhập khác	Tr. đồng			
Chi phí khác	Tr. đồng	2.560	2.131	20,2%
Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	14.224	-26.384	154%
Thuế TNDN	Tr. đồng	-	-	
Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	14.224	-26.384	154%

Lợi nhuận sau thuế quý IV năm 2024 chuyển từ lỗ cùng kỳ trước sang lãi kỳ này, chủ yếu do nguyên nhân:

Doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh, doanh thu hoạt động tài chính, doanh thu từ các công ty liên doanh liên kết kỳ này tăng so với cùng kỳ trước.

Chi phí tài chính Quý IV năm 2024 giảm so với cùng kỳ năm 2023.

Từ nguyên nhân trên dẫn đến lợi nhuận sau thuế trên BCTC quý IV năm 2024 của Công ty mẹ chuyển từ lỗ cùng kỳ năm 2023 sang lãi kỳ này.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT TCT, BKS (để báo cáo);
- Lưu VT, TCKT.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Phan Thanh Hải

Số: 35../2025/CV-TCKT

"V/v: Giải trình biến động lợi nhuận sau
thuế thu nhập doanh nghiệp quý IV năm 2024
Công ty Mẹ"

Hà Nội, ngày 24 tháng 01 năm 2025

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc: "Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán".

Tổng Công ty Licogi-CTCP giải trình biến động về lợi nhuận sau thuế trên BCTC quý IV năm 2024 so với cùng kỳ quý IV năm 2023 trên 10% và nguyên nhân chuyển lãi của Công ty mẹ như sau:

Giải trình biến động lợi nhuận:

Chi tiết một số khoản mục Doanh thu, chi phí, lợi nhuận sau thuế:

Nội dung	ĐVT	Quý IV năm 2024	Quý IV năm 2023	Biến động (%)
Doanh thu hoạt động kinh doanh và doanh thu hoạt động tài chính	Tr. đồng	198.793	111.837	77,8%
Tổng chi phí	Tr. đồng	182.009	136.090	33,7%
Thu nhập khác	Tr. đồng			
Chi phí khác	Tr. đồng	2.560	2.131	20,2%
Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	14.224	-26.384	154%
Thuế TNDN	Tr. đồng	-	-	
Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	14.224	-26.384	154%

Lợi nhuận sau thuế quý IV năm 2024 tăng so với quý IV năm 2023, chủ yếu do nguyên nhân:

Doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh, doanh thu hoạt động tài chính, cổ tức lợi nhuận được chia năm 2024 tăng so với cùng kỳ năm 2023.

Chi phí tài chính Quý IV năm 2024 giảm so với cùng kỳ năm 2023.

Từ nguyên nhân trên dẫn đến lợi nhuận sau thuế trên BCTC quý IV năm 2024 của Công ty mẹ có sự biến động trên 10% so với cùng kỳ năm 2023.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT TCT, BKS (để báo cáo);
- Lưu VT, TCKT.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Phan Thanh Hải

TỔNG CÔNG TY LICOGI – CTCP
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY CHO KỲ HOẠT ĐỘNG
TỪ NGÀY 01 THÁNG 10 NĂM 2024 ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	TM	31/12/2024	01/01/2024
A.TÀI SẢN NGẮN HẠN(100=110+120+130+140+150)	100		853.160.960.075	784.087.821.023
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		8.205.680.266	9.526.789.245
1. Tiền	111	5	8.205.680.266	9.526.789.245
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	21.703.693.116
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	-	21.703.693.116
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		789.846.954.834	692.532.288.348
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	183.520.080.577	181.969.474.373
2. Trả trước cho người bán	132	9	83.307.778.855	69.759.438.339
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		196.903.623.180	196.903.623.180
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	10	432.503.351.082	354.857.620.909
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	11	(106.387.878.860)	(110.957.868.453)
IV. Hàng tồn kho	140		38.635.887.375	42.777.672.165
1. Hàng tồn kho	141	12	39.503.108.700	43.644.893.490
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(867.221.325)	(867.221.325)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		16.472.437.600	17.547.378.149
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13	4.491.660	26.637.347
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	21	16.104.332.458	17.165.736.266
3. Thuế và các khoản khác phải thu NN	153	21	363.613.482	355.004.536
B.TÀI SẢN DÀI HẠN(200=210+220+230+240+250+260)	200		1.798.113.763.116	1.823.271.353.621
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		14.010.000.000	3.860.000.000
1. Phải thu về cho vay dài hạn	214	V.08	14.010.000.000	3.860.000.000
II. Tài sản cố định	220		69.316.222.464	81.404.473.684
1. TSCĐ hữu hình	221	15	69.076.622.463	81.091.673.683
- Nguyên giá	222		333.147.249.417	394.440.059.845
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(264.070.626.954)	(313.348.386.162)
2. TSCĐ vô hình	227	17	239.600.001	312.800.001
- Nguyên giá	228		366.000.000	366.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(126.399.999)	(53.199.999)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.13	1.357.365.162	1.357.365.162
- Nguyên giá	231		1.357.365.162	1.357.365.162
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	18	10.354.346.991	14.943.918.305
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	4.589.571.314
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		10.354.346.991	10.354.346.991
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	7	1.702.572.615.351	1.720.792.195.002
1. Đầu tư vào công ty con	251		1.448.580.147.489	1.448.580.147.489
2. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	252		321.547.551.645	322.588.897.645
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		49.876.625.400	59.260.545.400
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(117.431.709.183)	(111.137.395.532)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	1.500.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		503.213.148	913.401.468
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	503.213.148	913.401.468
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		2.651.274.723.191	2.607.359.174.644


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN


MẪU SỐ B 01-DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	TM	31/12/2024	01/01/2024
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		2.107.143.405.206	2.068.556.649.070
I. Nợ ngắn hạn	310		1.678.149.703.384	1.650.707.523.562
1. Phải trả người bán	311	19	224.623.369.544	249.054.665.000
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	20	258.805.876.869	161.233.731.475
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	21	49.755.687.307	50.143.225.893
4. Phải trả người lao động	314		16.004.562.127	12.466.130.936
5. Chi phí phải trả	315	22	238.300.968.234	312.162.282.793
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	23	58.784.168.165	56.101.280.281
7. Vay và nợ thuê tài chính	320	24	829.144.158.494	800.656.583.119
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	6.158.711.421
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		2.730.912.644	2.730.912.644
II. Nợ dài hạn	330		428.993.701.822	417.849.125.508
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		318.701.822	529.125.508
2. Phải trả dài hạn khác	337		60.000.000.000	60.000.000.000
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	25	368.675.000.000	357.320.000.000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		544.131.317.985	538.802.525.574
I. Vốn chủ sở hữu	410		544.131.317.985	538.802.525.574
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	26	900.000.000.000	900.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	27	(355.868.682.015)	(361.197.474.426)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(361.197.474.426)	(367.326.675.735)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5.328.792.411	6.129.201.309
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		2.651.274.723.191	2.607.359.174.644


Đặng Thu Oanh
Người lập biểu
Ngày tháng 1 năm 2025


Lê Thị Thanh Nội
Kế toán trưởng



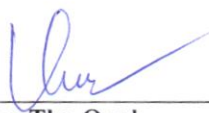
Tổng Giám đốc
TỔNG GIÁM ĐỐC
Phan Thanh Hải

BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH
Quý IV năm 2024

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	Năm 2024		Năm 2023	
			Quý IV	Lũy kế	Quý IV	Lũy kế
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	28	187.366.370.949	208.297.078.555	101.931.717.267	306.521.559.494
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	28	187.366.370.949	208.297.078.555	101.931.717.267	306.521.559.494
4. Giá vốn hàng bán	11	29	179.527.011.489	205.822.337.001	103.543.992.780	321.483.165.353
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		7.839.359.460	2.474.741.554	(1.612.275.513)	(14.961.605.859)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	11.426.373.460	126.334.817.562	9.905.287.379	172.981.309.696
7. Chi phí tài chính	22	31	(4.186.001.456)	98.487.903.595	28.725.321.563	113.096.178.070
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		7.205.624.572	103.472.772.158	12.456.131.093	100.028.381.433
8. Chi phí bán hàng	24	32	-	-	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	33	6.667.629.942	21.266.497.768	3.820.667.172	30.731.953.429
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		16.784.104.434	9.055.157.753	(24.252.976.869)	14.191.572.338
11. Thu nhập khác	31	34	-	6.314.792.549	-	2.524.669.598
12. Chi phí khác	32	35	2.560.190.034	10.041.157.891	2.130.567.485	10.587.040.627
13. Lợi nhuận khác	40		(2.560.190.034)	(3.726.365.342)	(2.130.567.485)	(8.062.371.029)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		14.223.914.400	5.328.792.411	(26.383.544.354)	6.129.201.309
(50 = 30 + 40)						
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	36	-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		14.223.914.400	5.328.792.411	(26.383.544.354)	6.129.201.309


Đặng Thu Oanh
Người lập biểu
Ngày tháng 1 năm 2025


Lê Thị Thanh Nội
Kế toán trưởng


TỔNG GIÁM ĐỐC
Phan Thanh Hải

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam,
Quận Thanh Xuân, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Công ty mẹ

Cho kỳ hoạt động từ 01/10/2024 đến 31/12/2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Quý IV năm 2024

Mẫu số B 03-DN

Đơn vị: VND

Mã số TT	CHỈ TIÊU	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
		Năm 2024	Năm 2023
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5.328.792.411	6.129.201.309
01	1. Lợi nhuận trước thuế		
	2. Điều chỉnh cho các khoản		
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	11.562.606.904	12.696.248.586
03	- Các khoản dự phòng	1.724.324.058	14.169.672.702
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền	-5.980.037	1.082.041
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	-126.334.817.562	-175.505.979.294
06	- Chi phí lãi vay	103.472.772.158	100.028.381.433
08	3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	-4.252.302.068	-42.481.393.223
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu	-91.691.882.031	36.021.061.325
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho	8.731.356.104	949.844.782
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nh	84.355.624.604	-3.379.984.326
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước	432.334.007	614.880.211
13	- Tiền lãi vay đã trả	-171.884.119.433	-125.537.143.506
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	-174.308.988.817	-133.812.734.737
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	0	-180.000.000
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	6.314.792.549	3.067.000.000
22	3 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	-10.150.000.000	-10.914.947.216
23	4 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	21.703.693.116	52.601.254.100
24	5 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-5.000.000.000
25	6 Tiền chi góp vốn đầu tư vào đơn vị khác	13.381.046.000	6.803.822.730
26	7 Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	101.889.792.761	102.985.141.387
27	8 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	133.139.324.426	149.362.271.001
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	521.033.794.147	514.104.616.944
33	1. Tiền thu từ đi vay	-481.191.218.772	-528.383.772.279
34	2. Tiền trả nợ gốc vay	39.842.575.375	-14.279.155.335
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	-1.327.089.016	1.270.380.929
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	9.526.789.245	8.257.490.357
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	5.980.037	-1.082.041
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	8.205.680.266	9.526.789.245
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		

Đặng Thu Oanh

Người lập biểu

Ngày tháng 1 năm 2025

Lê Thị Thanh Nội
Kế toán trưởng



Tổng giám đốc

TỔNG GIÁM ĐỐC

Phan Thanh Hải

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam,
Quận Thanh Xuân, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Công ty mẹ

Cho kỳ hoạt động từ 01/10/2024 đến 31/12/2024

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty LICOGI - CTCP (gọi tắt là "Tổng Công ty") tiền thân là Tổng Công ty Xây dựng nền móng và Kỹ thuật hạ tầng được thành lập theo Quyết định số 998/BXD - TCLĐ ngày 20 tháng 11 năm 1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Xây dựng. Tổng Công ty chuyển đổi mô hình thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2243/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100106440 đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 31 tháng 12 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội, Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng - Công ty TNHH MTV chính thức chuyển thành công ty cổ phần với tên gọi là Tổng Công ty LICOGI - CTCP và vốn điều lệ là 900.000.000.000 VND.

Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100106440 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24 tháng 11 năm 2010. Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được thay đổi 8 lần. Lần thay đổi thứ 8 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 17 tháng 03 năm 2022.

Trụ sở chính của Tổng Công ty đặt tại: Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Thi công xây lắp: các công trình ngầm, các công trình thủy lợi (đê, đập, kênh mương, hồ chứa nước, hệ thống tưới tiêu, ống dẫn, trạm bơm), thủy điện, nhiệt điện, bur điện, cấp thoát nước, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường dây, trạm biến áp điện, thi công và xử nền móng các loại công trình, khoan nổ mìn (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);

Thi công xây lắp: thi công xây lắp và tổng thầu thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông (đường bộ, cầu đường sắt, cầu đường bộ, sân bay, bến cảng, nhà ga, đường hầm);

Nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ mới trong lĩnh vực xây dựng, tổ chức đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng cán bộ quản lý, công nhân kỹ thuật chuyên ngành, giáo dục định hướng đưa lao động và chuyên gia Việt Nam đi làm có thời hạn ở nước ngoài;

Kinh doanh vận tải đường thủy đường bộ;

Sản xuất kinh doanh và kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm cơ khí, vật tư, máy móc, thiết bị, nguyên nhiên liệu, các chủng loại vật liệu xây dựng, công nghệ xây dựng;

Tư vấn đầu tư xây dựng bao gồm: quy hoạch, lập và thẩm định, dự án đầu tư xây dựng, khảo sát địa hình, địa chất công trình, địa chất thủy văn, thiết kế, lập tổng dự toán các công trình xây dựng, quản lý dự án, giám sát kỹ thuật thi công, tư vấn đấu thầu và hợp đồng kinh tế về thiết kế, thi công, xây lắp, cung cấp vật tư thiết bị; thí nghiệm, kiểm định chất lượng công trình, (không bao gồm tư vấn pháp luật);

Đầu tư kinh doanh phát triển các dự án về nhà ở, khu đô thị, khu công nghiệp, đầu tư và kinh doanh phát triển hạ tầng kỹ thuật, đầu tư xây dựng các công trình điện và kinh doanh điện thương phẩm; đầu tư và kinh doanh dịch vụ văn phòng, khách sạn, nhà nghỉ, du lịch và dịch vụ vui chơi giải trí, quản lý và khai thác các dịch vụ tổng hợp tại các khu đô thị mới, khu dân cư tập trung.

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Hoạt động chính của Tổng Công ty là thi công xây lắp các công trình.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng ngoại trừ một số công trình đặc thù của hoạt động xây lắp, đầu tư bất động sản có thời gian trên 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của Tổng Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính Công ty mẹ - Tổng Công ty

Chi tiết được trình bày ở phần “Cấu trúc doanh nghiệp” dưới đây.

Cấu trúc doanh nghiệp

Các đơn vị trực thuộc Tổng Công ty:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Văn phòng Tổng Công ty	Nhà G1, Thanh Xuân Nam, Thanh Xuân, Hà Nội
Chi nhánh Licogi số 1	Nhà G1, Thanh Xuân Nam, Thanh Xuân, Hà Nội
Chi nhánh Sản xuất Vật liệu Xây dựng Licogi	Nhà G1, P.Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tổng Công ty có 13 công ty con và 03 công ty liên kết. Thông tin khái quát về các công ty con và công ty liên kết của Tổng Công ty như sau:

STT	Tên Công ty	Hoạt động chính	Tỷ lệ sở hữu tại 30/06/2024	Mối liên hệ
1	Công ty CP Đầu tư, XL&LXD Đông Anh	Sản xuất vật liệu xây dựng	51,85%	Công ty con
2	Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi	Sản xuất vật liệu xây dựng	89,06%	Công ty con
3	Công ty Cổ phần Tư vấn LICOGI	Tư vấn đầu tư xây dựng	60,00%	Công ty con
4	Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9	Thi công xây lắp	51,00%	Công ty con
5	Công ty Cổ phần LICOGI Quảng Ngãi	Thi công xây lắp	64,77%	Công ty con
6	Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 10	Thi công xây lắp	57,71%	Công ty con
7	Công ty Cổ phần LICOGI 15	Thi công xây lắp	64,65%	Công ty con
8	Công ty Cổ phần LICOGI 17	Thi công xây lắp	56,33%	Công ty con
9	Công ty CP Kỹ thuật Nền móng và XD 20	Thi công xây lắp	92,58%	Công ty con
10	Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước	Thi công xây lắp	89,92%	Công ty con
11	Công ty TNHH Nhà ở và đô thị Licogi	Kinh doanh bất động sản	100%	Công ty con
12	Công ty TNHH Đầu tư và XD Licogi số 2	Kinh doanh bất động sản	100%	Công ty con
13	Công ty TNHH MTV XNK tổng hợp Licogi	XKLD	100%	Công ty con
14	Công ty Cổ phần LICOGI 14	Thi công xây lắp	18,49%	Công ty liên kết
15	Công ty Cổ phần LICOGI 19	Thi công xây lắp	22,62%	Công ty liên kết
16	Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà	Sản xuất và kinh doanh điện	41,00%	Công ty liên kết

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam,
Quận Thanh Xuân, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Công ty mẹ

Cho kỳ hoạt động từ 01/10/2024 đến 31/12/2024

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính Công ty mẹ - Tổng Công ty

Tổng Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY VÀ NĂM TÀI CHÍNH Cơ sở

lập báo cáo tài chính Công ty mẹ - Tổng Công ty

Báo cáo tài chính Công ty mẹ - Tổng Công ty kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và xử lý tài chính tại thời điểm chính thức chuyển sang Công ty Cổ phần theo quy định hiện hành.

Báo cáo tài chính Công ty mẹ - Tổng Công ty kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Số liệu đầu kỳ tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là số liệu đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán quốc tế.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính Công ty mẹ - Tổng Công ty của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 04 năm 2024 đến ngày 30 tháng 06 năm 2024.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính Công ty mẹ - Tổng Công ty:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính Công ty mẹ - Tổng Công ty tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và xử lý tài chính tại thời điểm chính thức chuyển sang Công ty Cổ phần theo quy định hiện hành yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính Công ty mẹ - Tổng Công ty cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền, các khoản đầu tư tài chính, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam,
Quận Thanh Xuân, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Công ty mẹ

Cho kỳ hoạt động từ 01/10/2024 đến 31/12/2024

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Tổng Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty con được hạch toán theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi công ty nhận đầu tư bị lỗ.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Lãnh đạo đối với tất cả các khoản phải thu còn chưa thu hồi được tại thời điểm cuối kỳ. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được xác định theo phương pháp giá đích danh tại Văn phòng Tổng Công ty.

Hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng, nhập trước xuất trước, đích danh tùy theo từng loại vật tư, hàng hóa tại Chi nhánh Licogi số 1, Chi nhánh Vật liệu xây dựng Licogi.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ bao gồm các chi phí nguyên nhiên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công, chi phí sản xuất chung được tập hợp và phân bổ cho các công trình xây lắp, dịch vụ, khảo sát, thiết kế công trình chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán hoặc đã hoàn thành nhưng chưa được khách hàng nghiệm thu giá trị khối lượng hoàn thành. Chi phí dở dang được xác định hoặc đánh giá theo khối lượng thi công dở dang tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chi phí đi vay được vốn hóa vào chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm chi phí đi vay thực tế phát sinh từ các khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản dở dang và chi phí đi vay được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hoá được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ của Tổng Công ty, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang. Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ đó.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam,
Quận Thanh Xuân, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Công ty mẹ

Cho kỳ hoạt động từ 01/10/2024 đến 31/12/2024

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25
Máy móc, thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn	05 - 10
Thiết bị văn phòng	03 – 05
Tài sản cố định khác	03 - 05

Các tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty đã được đánh giá lại khi thực hiện cổ phần hóa. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện các phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Phần mềm quản lý được ghi nhận ban đầu theo giá mua, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 05 năm.

Các tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty đã được đánh giá lại khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác.

Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, lợi thế kinh doanh khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Lợi thế kinh doanh khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa được xác định theo hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012. Lợi thế kinh doanh khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa được phân bổ trong thời gian là 3 năm kể từ ngày công ty cổ phần chính thức đi vào hoạt động.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo, bản quyền phần mềm và chi phí bảo hiểm hệ thống dẫn khí. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

Các khoản dự phòng phải trả

Tại ngày 30/06/2024, Ban Tổng Giám đốc đánh giá các nghĩa vụ nợ phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra không có ảnh hưởng đáng kể, do đó Ban Tổng Giám đốc quyết định không trích dự phòng phải trả.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

Chi phí phải trả bao gồm các khoản chi phí lãi vay, các khoản chi phí phải trả cho công trình xây lắp và các khoản chi phí phải trả khác.

Chi phí lãi vay được ước tính dựa trên số tiền vay, thời hạn và lãi suất thực tế từng thời kỳ.

Chi phí phải trả cho công trình xây lắp là chi phí được trích trước phù hợp với doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận dựa trên biên bản nghiệm thu giá trị khối lượng hoàn thành giữa Tổng Công ty và khách hàng.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Vốn khác của chủ sở hữu: phản ánh giá trị các khoản vốn khác của chủ sở hữu tại thời điểm báo cáo.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập của Tổng Công ty tại thời điểm báo cáo.

Ghi nhận doanh thu**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam,
Quận Thanh Xuân, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Công ty mẹ
Cho kỳ hoạt động từ 01/10/2024 đến 31/12/2024

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)
Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Tổng Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Doanh thu bán bất động sản Tổng Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- (a) Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện chủ yếu là giá trị tiền nhận trước theo các hợp đồng xuất khẩu lao động giữa Tổng Công ty với khách hàng.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam,
Quận Thanh Xuân, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Công ty mẹ
Cho kỳ hoạt động từ 01/10/2024 đến 31/12/2024

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản chi phí đi vay khác được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Giá vốn hàng bán

Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay, lỗ tỷ giá hối đoái.

Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Tổng Công ty chủ yếu bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; dịch vụ mua ngoài; và chi phí bằng tiền khác.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính Công ty mẹ - Tổng Công ty và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty, bao gồm công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Tổng Giám đốc, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Tổng Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

5. TIỀN	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Tiền mặt tại quỹ	131.617.496	7.917.172
Tiền gửi ngân hàng	8.074.062.770	9.518.872.073
	8.205.680.266	9.526.789.245

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VNĐ	Giá trị ghi sổ VNĐ	Giá gốc VNĐ	Giá trị ghi sổ VNĐ
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	0		21.703.693.116	

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam,
Quận Thanh Xuân, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Công ty mẹ

Cho kỳ hoạt động từ 01/10/2024 đến 31/12/2024

7. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư vào công ty con

Cty CP ĐTXL và VLXD Đông Anh					
Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi					
Công ty Cổ phần Tư vấn LICOGI					
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9					
Công ty Cổ phần LICOGI Quảng Ngãi					
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 10					
Công ty Cổ phần LICOGI 15					
Công ty Cổ phần LICOGI 17					
Cty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi					
Cty CP Kỹ thuật Nền móng & Xây dựng 20					
Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước					
Cty TNHH 1 TV ĐT và XD Licogi số 2					
Cty TNHH 1 TV XNK Licogi tổng hợp Licogi					

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty Cổ phần LICOGI 14					
Công ty Cổ phần LICOGI 19					
Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà					
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác					
Công ty Cổ phần Licogi 12					
Công ty Cổ phần Licogi 13					
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18					
Công ty Cổ phần Thủy điện ĐắkDrinh					
CTCP ĐTXD Thương mại Dầu khí IDICO					
Cty CP ĐTXD Vinashin - Licogi					
Cty CP QLDA và XD Licogi					

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tổng cộng

		31/12/2024		01/01/2024	
		Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dư phòng	Giá gốc
		1.448.580.147.489	1.348.349.606.098	-100.230.541.391	1.448.580.147.489
		34.476.838.106	34.476.838.106	-	34.476.838.106
		300.945.730.000	300.945.730.000	-	300.945.730.000
		3.177.150.487	3.177.150.487	-	3.177.150.487
		38.178.368.992	38.178.368.992	-	38.178.368.992
		16.855.532.723	0	-16.855.532.723	16.855.532.723
		10.110.056.968	0	-10.110.056.968	10.110.056.968
		6.593.800.000	0	-6.593.800.000	6.593.800.000
		10.393.670.213	0	-10.393.670.213	10.393.670.213
		900.000.000.000	900.000.000.000		900.000.000.000
		22.571.500.000	0	-22.571.500.000	22.571.500.000
		10.277.500.000	0	-10.277.500.000	10.277.500.000
		90.000.000.000	67.493.142.443	-22.506.857.557	90.000.000.000
		5.000.000.000	4.078.376.070	-921.623.930	5.000.000.000
		321.547.551.645	321.547.551.645	0	322.588.897.645
		38.822.653.946	38.822.653.946	-	39.843.253.946
		1.999.068.969	1.999.068.969	0	1.999.068.969
		280.725.828.730	280.725.828.730	0	280.746.574.730
		49.876.625.400	32.675.457.608	-17.201.167.792	59.260.545.400
		7.895.068.192	2.673.216.000	-5.221.852.192	7.895.068.192
		16.239.671.600	5.560.356.000	-10.679.315.600	25.001.671.600
		9.908.080.000	9.908.080.000		10.530.000.000
		13.753.805.608	13.753.805.608		13.753.805.608
		780.000.000	780.000.000		780.000.000
		1.000.000.000	0	-1.000.000.000	1.000.000.000
		300.000.000	0	-300.000.000	300.000.000
					1.500.000.000
		1.820.004.324.534	1.702.572.615.351	-117.431.709.183	1.831.929.590.534
					-111.137.395.532

7.CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Tổng Công ty đang trình bày giá hợp lý của của các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, đầu tư góp vốn và đơn vị khác theo giá gốc bàn giao từ Doanh nghiệp nhà nước.

Trong giai đoạn cổ phần hóa từ ngày 1 tháng 1 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng Công ty thực hiện theo hướng dẫn của Điều 10 - Xử lý tài chính thời điểm doanh nghiệp cổ phần hóa chính thức chuyển thành công ty cổ phần tại Thông tư số 127/2014/TT- BTC ngày 05 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần, nên đã không xem xét trích lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm chính thức trở thành công ty cổ phần. Tổng Công ty chính thức trở thành công ty cổ phần từ ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Từ ngày chính thức trở thành công ty cổ phần, Công ty thực hiện việc trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư tài chính theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07/12/2009 về Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp, và Thông tư 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi một số điều của Thông tư 228/2009/TT-BTC.

Tình hình hoạt động của các công ty con và công ty liên kết trong kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến 31/09/2024	
Công ty con	
Công ty Cổ phần Đầu tư, Xây lắp và VLXD Đông Anh	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty Cổ phần Tư vấn LICOGI	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty Cổ phần LICOGI Quảng Ngãi	Hoạt động kinh doanh bị lỗ
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 10	Hoạt động kinh doanh bị lỗ
Công ty Cổ phần LICOGI 15	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty Cổ phần LICOGI 17	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty CP kỹ thuật nền móng và xây dựng 20	Hoạt động kinh doanh bị lỗ
Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước	Hoạt động kinh doanh bị lỗ
Công ty TNHH Nhà ở và Đô thị Licogi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty TNHH 1 TV Đầu tư và XD Licogi số 2	Hoạt động kinh doanh bị lỗ
Công ty TNHH MTV XNK tổng hợp Licogi	Hoạt động kinh doanh bị lỗ
Công ty liên kết	
Công ty Cổ phần LICOGI 14	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty Cổ phần LICOGI 19	Hoạt động kinh doanh bị lỗ
Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà	Hoạt động kinh doanh có lãi

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

N hà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam,
Quận Thanh Xuân, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Công ty mẹ

Cho kỳ hoạt động từ 01/10/2024 đến 31/12/2024

8. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	183.520.080.577	181.969.474.373
Công ty CP thủy điện Đăkđrinh	17.409.874.008	17.409.874.008
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng số 8	21.261.594.839	21.261.594.839
Công ty CP ĐTXD công trình 578	13.003.806.049	14.503.806.049
BQLDA Đầu tư xây dựng Đại học Quốc gia Hà Nội	8.548.827.170	8.548.827.170
Công ty CP Tập đoàn xây dựng Hòa Bình	8.936.478.335	8.936.478.335
Đối tượng khác	114.359.500.176	111.308.893.972
	183.520.080.577	181.969.474.373
Dự phòng phải thu khó đòi (*)	(37.268.719.975)	(41.718.709.568)
	146.251.360.602	140.250.764.805

b. Phải thu dài hạn khách hàng**9. TRẢ TRƯỚC NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Công ty Xây dựng số 19	3.695.789.577	3.695.789.577
Công ty Cổ phần Licogi 15	10.813.710.792	10.813.710.792
Công ty Cổ phần Lắp máy điện nước	38.472.872.158	38.472.872.158
Công ty CP xây dựng công trình ngầm (VINAVICO)	1.107.739.074	1.107.739.074
Công ty TNHH B.A.S.S	1.398.119.956	1.398.119.956
Công ty TNHH th-uơng mại và dịch vụ Tùng Quân	913.926.682	913.926.682
CTY TNHH ANH HOA	-	2.839.307.110
Nhà máy bê tông AMACCAO - CN CT Cổ phần AVIA	-	154.526.400
Công ty CP XD và DV Thương Mại Phú Minh	-	3.120.770.192
Công ty Cổ phần Đầu tư, Xây lắp và vật liệu xây dựng l	13.000.000.000	
Các đối tượng khác	13.905.620.616	7.242.676.398
Cộng	83.307.778.855	69.759.438.339
Dự phòng phải trả người bán ngắn hạn	(7.008.842.817)	(7.128.842.817)
Cộng	76.298.936.038	62.630.595.522

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

N hà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam,
Quận Thanh Xuân, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Công ty mẹ

Cho kỳ hoạt động từ 01/10/2024 đến 31/12/2024

10. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Phải thu nội bộ BDH NMCN tàu thủy Dung Quất	25.493.403.949	25.493.403.949
Phải thu người lao động CN Licogi 1	2.672.948.504	2.672.948.504
Phải thu nội bộ CTTNHH MTV nhà ở & ĐT LICOGI	209.237.674.737	176.909.841.975
Phải thu về cổ tức, lợi nhuận được chia	3.857.797.786	2.794.626.900
Phải thu về tạm ứng	25.949.647.171	24.426.453.194
Phải thu về cổ phần hóa	3.628.215.586	3.628.215.586
Các khoản phải thu khác	161.663.663.349	118.932.130.801
Cộng	432.503.351.082	354.857.620.909
Dự phòng phải thu khó đòi (*)	(62.110.316.068)	(62.110.316.068)
Cộng	370.393.035.014	292.747.304.841

11. NỢ XẤU

Trong quá trình cổ phần hóa, Tổng Công ty thực hiện theo hướng dẫn của Điều 10 - Xử lý tài chính thời điểm doanh nghiệp cổ phần hóa chính thức chuyển thành công ty cổ phần tại Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần, nên đã không xem xét trích lập dự phòng các khoản phải thu khách hàng tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần, ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Từ ngày chính thức trở thành công ty cổ phần, Công ty thực hiện việc trích lập dự phòng cho các khoản nợ phải thu khó đòi theo quy định.

Chi tiết các khoản dự phòng cho các khoản nợ phải thu khó đòi được trình bày như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Dự phòng
VND**

Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán

i)	Phải thu khách hàng	(37.268.719.975)
ii)	Trả trước cho người bán ngắn hạn	(7.008.842.817)
iii)	Phải thu ngắn hạn khác	(62.110.316.068)
		(106.387.878.860)

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCPN hà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam,
Quận Thanh Xuân, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Công ty mẹ**

Cho kỳ hoạt động từ 01/10/2024 đến 31/12/2024

12. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên vật liệu tồn kho	1.388.724.779	867.221.325	1.388.724.779	867.221.325
Công cụ, dụng cụ trong kho	630.027.690	-	630.027.690	-
Thành phẩm tồn kho	2.556.329	-	2.556.329	-
Chi phí SXKD dở dang(*)	37.481.799.902	-	41.623.584.692	-
	39.503.108.700	867.221.325	43.644.893.490	867.221.325
	-	-	-	-

(*) Chi phí SXKD dở dang là chi phí phát sinh của các công trình đang trong quá trình xây dựng dở dang. Chi tiết như sau:

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
CT BIDV gói 10	-	4.051.799.259
CT 423 Minh Khai	120.448.525	120.448.525
DA CV,TH,nhà ở TMDV Golden PalaceA-Mik	1.280.843.700	1.280.843.700
Dự án Đại học quốc gia-Tuyển số 3	12.819.929.200	12.105.873.229
Công trình Khu DL nghỉ đường Parahills	6.205.817.192	6.173.343.714
Gói thầu đường GT-DA KCN Liên Hà Thái	13.349.253.670	15.439.716.629
Các dự án khác	3.705.507.615	2.451.559.636
	37.481.799.902	41.623.584.692

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	4.491.660	26.637.347
Chi phí trả trước ngắn hạn khác		

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	395.621.241	805.809.561
Chi phí trả trước dài hạn khác	107.591.907	107.591.907

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTC

N hà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam,
Quận Thanh Xuân, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Công ty mẹ
Cho kỳ hoạt động từ 01/10/2024 đến 31/12/2024

15. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Cộng
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2024	42.880.296.049	338.651.987.421	10.967.207.228	1.940.569.147	394.440.059.845
Tăng trong năm	-	-	-	-	-
Mua trong năm	-	-	-	-	-
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	-	-
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	61.292.810.428	-	-	61.292.810.428
Thanh lý, nhượng bán	-	61.292.810.428	-	-	61.292.810.428
Tại ngày 31/12/2024	42.880.296.049	277.359.176.993	10.967.207.228	1.940.569.147	333.147.249.417
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2024	36.676.242.750	264.027.959.387	10.845.450.588	1.798.733.437	313.348.386.162
Tăng trong năm	938.405.292	10.368.615.908	104.353.404	78.032.300	11.489.406.904
Khấu hao trong năm	938.405.292	10.368.615.908	104.353.404	78.032.300	11.489.406.904
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	60.767.166.112	-	-	60.767.166.112
Thanh lý, nhượng bán	-	60.767.166.112	-	-	60.767.166.112
Giảm khác	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2024	37.614.648.042	213.629.409.183	10.949.803.992	1.876.765.737	264.070.626.954
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2024	6.204.053.299	74.624.028.034	121.756.640	141.835.710	81.091.673.683
Tại ngày 31/12/2024	5.265.648.007	63.729.767.810	17.403.236	63.803.410	69.076.622.463

17. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị: VND

	Phần mềm máy tính	Cộng
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2024	366.000.000	366.000.000
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Tại ngày 31/12/2024	366.000.000	366.000.000
HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2024	53.199.999	53.199.999
Tăng trong năm	73.200.000	73.200.000
Khấu hao trong năm	73.200.000	73.200.000
Giảm trong năm	-	-
Tại ngày 31/12/2024	126.399.999	126.399.999
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2024	312.800.001	312.800.001
Tại ngày 31/12/2024	239.600.001	239.600.001

18. TÀI SẢN DỄ DANG DÀI HẠN

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		
Dự án Đầu tư Thủy điện Cẩm Thủy 2	-	4.589.571.314
	-	
	-	4.589.571.314
b) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn		
<u>Trong đó:</u>		
Trụ sở làm việc và VP cho thuê tại Lô E7 đường Phạm Hùng	9.671.801.536	9.671.801.536
Sửa chữa máy khoan BG40	99.000.000	99.000.000
Dự án tòa nhà VP và nhà ở Licogi	583.545.455	583.545.455
	10.354.346.991	10.354.346.991

19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9	10.534.210.438	10.294.210.438
Công ty Cổ phần Licogi 10	8.243.192.882	12.476.918.235
Công ty Cổ phần Licogi 13	4.396.512.128	24.696.512.128
Công ty Cổ phần Licogi 16	11.424.415.535	11.424.415.535
Công ty Cổ phần Licogi 17	32.144.422.831	31.134.314.283
Công ty Cổ phần Licogi 18	16.214.991.755	16.214.991.755
Công ty Cổ phần Licogi 18.1	16.430.964.213	16.430.964.213
VP đại diện TCT Sông Đà-BĐH DA TĐ Lai Châu	3.769.937.577	3.769.937.577
Ban điều hành dự án thủy điện Sơn La	2.997.112.020	2.997.112.020
Công ty Cổ phần Sông Đà 7	2.093.680.987	2.313.680.987
Công ty CP Đầu tư Thương mại XD Hoàng Anh	8.669.505.614	9.869.505.614
Công ty CP ĐT và Thương mại Sông Đà (SODIC)	1.363.953.614	1.363.953.614
Các đối tượng khác	106.340.469.950	106.068.148.601
	224.623.369.544	249.054.665.000

20. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 9	46.162.167.812	47.681.291.600
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng LICOGI 2	37.081.161.292	39.372.582.292
Tổng cục chính trị Quân đội Nhân dân Việt Nam	5.520.598.035	
Công ty CP Green i-Park -CT Thái Bình	17.789.739.995	21.221.433.428
Công ty CP Beru Group -CT Hòa Bình	7.473.037.601	7.473.037.601
Công ty TNHH DV và PT bất động sản Bài hát yêu thích	32.295.760.000	32.295.760.000
Công ty Cổ phần Đầu tư, Xây lắp và vật liệu xây dựng Đông	8.000.000.000	
Công ty TNHH một thành viên Licogi 10.6	19.922.767.340	
Công ty TNHH Một thành viên nhà ở và đô thị Licogi	72.000.000.000	
Các đối tượng khác	12.560.644.794	13.189.626.554
	258.805.876.869	161.233.731.475

21. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chỉ tiêu	01/01/2024 VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	31/12/2024 VND
Thuế giá trị gia tăng	18.271.861.728	20.091.111.409	20.091.111.409	18.271.861.728
Thuế Tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.171.464.234	-	-	1.171.464.234
Thuế thu nhập cá nhân	361.402.135	248.199.845	209.329.419	400.272.561
Thuế tài nguyên	-	-	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	865.733.023	852.818.024	1.279.227.036	439.324.011
Các loại thuế khác	21.723.455.069	5.734.448	5.734.448	21.723.455.069
Các khoản phí, lệ phí	7.749.309.704	-	-	7.749.309.704
Cộng	50.143.225.893	21.197.863.726	21.585.402.312	49.755.687.307

22. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Trích trước chi phí lãi vay	162.232.436.953	238.412.560.386
Trích chi phí các công trình	66.910.134.174	73.749.722.407
- CT Thủy điện Bàn Chát	7.343.716.979	7.343.716.979
- Dự án Thủy điện ĐAKRINH	309.405.353	309.405.353
- Công trình Suối Chăn 2	26.794.598.660	26.794.598.660
- Xi măng Đồng lâm	2.039.604.140	2.039.604.140
- Công trình CC đổi T5 Quảng Ninh	2.577.824.265	2.577.824.265
- THI công cống hộp khu Shophouse-DA KĐT nghỉ dươ	-	3.089.504.127
- Gói thầu số 33 - DA NMCB gỗ MDF VRG Kiên Giang	1.500.000.000	1.500.000.000
- Công trình BIDV Nam Kỳ Khởi Nghĩa-Gói 10	-	259.013.020
- Công trình Thủy điện AVương	371.299.686	371.299.686
- GT 1B-DA XD tuyến đường sắt đô thị số 1 TP.HCM	246.900.000	246.900.000
-Trạm trộn bê tông Thịnh Liệt	530.416.250	530.416.250
- Dự án Tung Feng	1.572.560.428	1.572.560.428
- Các công trình khác	23.623.808.413	23.623.808.413
Các đối tượng khác	9.158.397.107	3.491.071.086
Cộng	238.300.968.234	312.162.282.793

23. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC	58.784.168.165	56.101.280.281
Kinh phí công đoàn	1.543.652.636	1.422.437.682
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	11.945.479.787	11.940.785.523
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	45.295.035.742	42.738.057.076
CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC	60.000.000.000	60.000.000.000
Công ty TNHH ĐT & KD Bất động sản Khu Đông	60.000.000.000	60.000.000.000
Cộng	118.784.168.165	116.101.280.281

24. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Vay ngắn hạn	829.144.158.494	800.656.583.119
Ngân hàng NN và PT Nông thôn Việt Nam-CN Tây HN	7.444.167.616	7.894.167.616
Ngân hàng ĐT & PT Việt Nam - CN Thanh Xuân	220.507.431.987	251.991.247.446
Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam-CN Gia Lâm	-	76.769.609.482
Vay vốn các đơn vị, tổ chức khác	562.048.612.374	425.534.251.185
Vay cá nhân	39.143.946.517	38.467.307.390
Vay và Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
Cộng	829.144.158.494	800.656.583.119

25. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Vay dài hạn	368.675.000.000	357.320.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và KD BDS Khu Đông	203.675.000.000	192.320.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và tư vấn Hải Dương	165.000.000.000	165.000.000.000
Số phải trả trong vòng 12 tháng	-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả sau 12 tháng	368.675.000.000	357.320.000.000

	Tại ngày 01/01/2024	Phát sinh trong kỳ		Tại ngày 31/12/2024
		Tăng	Giảm	
Vay ngắn hạn				
Vay ngắn hạn Ngân hàng	336.655.024.544	220.507.431.987	329.210.856.928	227.951.599.603
Vay ngắn hạn bên thứ ba	464.001.558.575	289.171.362.160	151.980.361.844	601.192.558.891
Vay dài hạn đến hạn trả				-
	800.656.583.119	509.678.794.147	481.191.218.772	829.144.158.494
Vay dài hạn				
Vay dài hạn bên thứ ba	357.320.000.000	11.355.000.000	-	829.144.158.494
Nợ đến hạn trong 12 tháng	-	-	-	368.675.000.000
Nợ đến hạn sau 12 tháng	357.320.000.000	11.355.000.000	-	368.675.000.000
Tổng cộng vay	1.157.976.583.119	521.033.794.147	481.191.218.772	1.197.819.158.494

26. VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

a/Số lượng cổ phiếu

	30.09.2024	01.01.2024	
	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi	Cổ phiếu phổ thông ưu đãi
Số lượng cổ phiếu đăng ký	90.000.000		90.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	90.000.000		90.000.000
	90.000.000		90.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.

b/Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31.12.2024		01.01.2024	
	Cổ phiếu	%	Cổ phiếu	%
Phần vốn nhà nước (SCIC)	36.640.691	40,71%	36.640.691	40,71%
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông	31.500.000	35%	31.500.000	35%
Các cổ đông khác	21.859.309	24,29%	21.859.309	24,29%
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	90.000.000	100%	90.000.000	100%

SCIC

27. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Diễn giải	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Tại ngày 01/01/2022	900.000.000.000	-	-	(378.877.053.211)	521.122.946.789
Lãi trong kỳ	-	-	-	12.550.377.476	12.550.377.476
Tăng/(Giảm) khác (*)	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2022	900.000.000.000	-	-	(366.326.675.735)	533.673.324.265
Tại ngày 01/01/2023	900.000.000.000	-	-	(366.326.675.735)	533.673.324.265
Lãi trong kỳ	-	-	-	6.129.201.309	6.129.201.309
Tăng/(Giảm) khác (*)	-	-	-	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
Tại ngày 31/12/2023	900.000.000.000	-	-	(361.197.474.426)	538.802.525.574
Tại ngày 01/01/2024	900.000.000.000	-	-	(361.197.474.426)	538.802.525.574
Lãi trong kỳ	-	-	-	5.328.792.411	5.328.792.411
Tăng/(Giảm) khác (*)	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2024	900.000.000.000	-	-	(355.868.682.015)	544.131.317.985

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCPNhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam,
Quận Thanh Xuân, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Công ty mẹ**

Cho kỳ hoạt động từ 01/10/2024 đến 31/12/2024

28. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Quý IV năm 2024 VND	Quý IV năm 2023 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	187.366.370.949	101.931.717.267
Doanh thu bán hàng hóa	-	
Doanh thu cung cấp dịch vụ, hàng hóa	163.620.335.773	54.977.761.349
Doanh thu hợp đồng xây dựng	23.746.035.176	46.953.955.918
Doanh thu thuần về bán hàng & cung cấp dv	187.366.370.949	101.931.717.267

29. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Quý IV năm 2024 VND	Quý IV năm 2023 VND
Giá vốn của dịch vụ, hàng hóa đã cung cấp	163.620.335.773	54.825.507.475
Giá vốn hợp đồng xây dựng	15.906.675.716	48.718.485.305
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	
Cộng	179.527.011.489	103.543.992.780

30. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Quý IV năm 2024 VND	Quý IV năm 2023 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	8.469.841.419	9.905.287.379
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.956.532.041	
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	
Cộng	11.426.373.460	9.905.287.379

31. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Quý IV năm 2024 VND	Quý IV năm 2023 VND
Chi phí lãi vay	8.127.248.502	12.456.591.389
DP giảm giá các khoản đầu tư, khác	(12.313.249.958)	16.268.730.174
Chi phí tài chính khác	-	
Cộng	(4.186.001.456)	28.725.321.563

32. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCPNhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam,
Quận Thanh Xuân, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Công ty mẹ**

Cho kỳ hoạt động từ 01/10/2024 đến 31/12/2024

	Quý IV năm 2024	Quý IV năm 2023
Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.342.309.807	5.261.222.494
Chi phí khấu hao TSCĐ	294.544.674	299.680.989
Chi phí quản lý khác	2.030.775.461	2.534.551.935
Hoàn nhập/trích lập dự phòng phải thu khó đòi	-	(4.274.788.246)
	6.667.629.942 -	3.820.667.172

33. THU NHẬP KHÁC

	Quý IV năm 2024	Quý IV năm 2023
	VND	VND
Thu từ thanh lý tài sản	-	-
Thu nhập khác	-	-
Cộng	-	-

34. CHI PHÍ KHÁC


	Quý IV năm 2024	Quý IV năm 2023
	VND	VND
Các khoản phạt	1.050.165	34.840.836
Chi phí khấu hao TSCĐ tạm thời không sử dụng	2.559.139.869	1.975.168.474
Chi phí khác	-	120.558.175
Cộng	2.560.190.034	2.130.567.485
Lợi nhuận khác	(2.560.190.034)	(2.130.567.485)


35. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Quý IV năm 2024	Quý IV năm 2023
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	14.223.914.400	(26.383.544.354)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-
Trong đó		
Văn phòng Tổng công ty		
Chi nhánh Licogi số 1		
Chi nhánh sản xuất vật liệu xây dựng Licogi		

SỐ LIỆU SO SÁNH

Tổng Công ty không trình bày số liệu so sánh, số đầu kỳ là số liệu theo báo cáo tài chính 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán quốc tế.


Đặng Thu Oanh
Người lập biểu
Ngày tháng 1 năm 2025


Lê Thị Thanh Nội
Kế toán trưởng



Tổng Giám đốc
Phan Thanh Hải